

Bản án số: 153/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-6-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Ông Nguyễn Thanh Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 164/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Hoàng A; ĐKKHKT: TDP N, phòng N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: W, A.D. Donau, 89423 Gundelfingen, Cộng hòa Liên Bang Đ; vắng mặt;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; nơi cư trú: W, A1. Donau, 89423 Gundelfingen, Cộng hòa Liên Bang Đ; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là anh Đỗ Hoàng A trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Đan M (Det G, Von S, DK-6760 Ribe, D) vào ngày 09/01/2018, đã ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 05/6/2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên cả hai

thường xảy ra cãi vã. Đến nay, vợ chồng anh chị đã ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hai bên gia đình và bạn bè đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn, anh Hoàng A không còn tình cảm với chị H nên anh Hoàng A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh Đỗ Hoàng A và chị Nguyễn Thị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Hoàng A và chị Nguyễn Thị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Hoàng A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Đan M (Det G, Von S, DK-6760 Ribe, D) vào ngày 09/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn với anh Đỗ Hoàng A.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Hoàng A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Hoàng A không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Đỗ Hoàng A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn”. Nguyên đơn là anh Đỗ Hoàng A hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Liên Bang Đ nhưng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng, bị đơn là chị Nguyễn Thị H hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Liên Bang Đ. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của anh Đỗ Hoàng A và chị Nguyễn Thị H nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng

tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Hoàng A và chị Nguyễn Thị H theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Đỗ Hoàng A và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Đan M (Det G, Von S, DK-6760 Ribe, D) vào ngày 09/01/2018, đã ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 05/6/2024. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn, nhận thấy: Quá trình chung sống, anh Đỗ Hoàng A và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Nay anh Đỗ Hoàng A yêu cầu xin ly hôn với chị H, chị H đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn với nhau. Nhận thấy, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Hoàng A đối với chị Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Anh Đỗ Hoàng A và chị Nguyễn Thị H cùng xác nhận anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Đỗ Hoàng A và chị Nguyễn Thị H cùng xác nhận anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Hoàng A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Hoàng A và chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hoàng A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hoàng A được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

1.2. Về con chung: Anh Đỗ Hoàng A và chị Nguyễn Thị H cùng xác nhận anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Anh Đỗ Hoàng A và chị Nguyễn Thị H cùng xác nhận anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Hoàng A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000423 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đỗ Hoàng A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Đỗ Hoàng A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Phạm Văn Phích**

